

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Đường tránh tỉnh lộ 521B,
đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 42/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường tránh tỉnh lộ 521B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước; số 123/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1468/TTr-SGTVT ngày 29/3/2022 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường tránh tỉnh lộ 521B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 1415/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/3/2022; của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước tại Tờ trình số 44/TTr-BQLDA ngày 11/3/2022 và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường tránh tỉnh lộ 521B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường tránh tỉnh lộ 521B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần Việt Thanh - Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư phát triển Bắc Sông Mã.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đảm bảo an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông qua khu vực phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước; từng bước hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng giao thông của huyện, tạo điều kiện phát triển du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tạo lập quỹ đất phục vụ di dân cho các khu vực có nguy cơ sạt lở, mất an toàn.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng mới 1.622,7m đường đô thị theo tiêu chuẩn TCXDVN 104:2007, có: Vận tốc thiết kế $V_{tk}=40\text{km/h}$; tuyến chính dài 1.140,2m, chiều rộng nền đường $B_n=22\text{m}$, mặt đường $B_m=12\text{m}$, vỉa hè $B_{vh}=2\times 5\text{m}$; các tuyến nhánh dài 482,5m, chiều rộng nền đường $B_n=10,5\text{m}$, mặt đường $B_m=5,5\text{m}$, vỉa hè $B_{vh}=2\times 2,5\text{m}$; bố trí hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến. Công trình thoát nước bằng BTCT và BTCT DƯL; tần suất thiết kế $P=4\%$ với nền đường, cống, cầu nhỏ và $P=1\%$ với cầu trung; tải trọng trục tính toán 10T với đường và H30-XB80 với cống, HL93 với cầu; công trình cầu có khổ cầu phù hợp với chiều rộng mặt đường.

6. Giải pháp thiết kế chủ yếu

6.1. Bình đồ, hướng tuyến: Hướng tuyến được lựa chọn phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt (gồm: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2040 và Quy hoạch chung xây dựng xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước). Tuyến đi mới hoàn toàn, bám theo địa hình, qua khu vực đồng ruộng, khu dân cư ở các điểm giao cắt với tỉnh lộ 521B. Tổng số có 04 đường cong, bán kính nhỏ nhất $R_{\min}=125\text{m}$.

a) *Tuyến chính - đường tránh tỉnh lộ 512B:*

- Điểm đầu: Km0+00, giao với tỉnh lộ 521B tại Km11+910, thuộc địa phận làng Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước.

- Điểm cuối Km1+140,19, giao với tỉnh lộ 521B tại Km13+180, thuộc địa phận thôn Phìa, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.

b) Tuyến nhánh - kết nối giữa tuyến chính vào tỉnh lộ 512B gồm:

- Tuyến nhánh 1: Từ Km0+304,9 tuyến chính nối tỉnh lộ 521B tại Km12+220, chiều dài 101,04m.

- Tuyến nhánh 2: Từ Km0+600 tuyến chính nối tỉnh lộ 521B tại Km12+460, chiều dài 184,11m.

- Tuyến nhánh 3: Từ Km0+879,8 tuyến chính nối tỉnh lộ 521B tại Km12+830, chiều dài 197,35m.

6.2. Cắt dọc: Cao độ đường đồ trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường, tần suất thủy văn tính toán của cầu và cao độ khống chế tại điểm đầu, điểm cuối. Độ dốc dọc lớn $i_{\max}=4\%$.

6.3. *Cắt ngang:*

- Tuyến chính có chiều rộng nền đường $B_n = 22,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 12,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè, bó vỉa $B_{vh} = 2 \times 5\text{m} = 10,0\text{m}$.

- Các tuyến nhánh có chiều rộng nền đường $B_n = 10,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 5,5\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_{vh} = 2 \times 2,5\text{m} = 5,0\text{m}$.

Độ dốc ngang mặt đường hai mái $i_m = 2\%$; dốc ngang lề đất $i_l = 4\%$. Hè đường tuyến chính và các tuyến nhánh lát gạch dốc $1,5\%$ về phía mặt đường.

6.4. *Nền đường:*

- Nền đào: Đào đất mái taluy $1/1$.

- Nền đắp: Đắp bằng đất đồi đạt độ chặt $K \geq 0,95$, lớp sát đáy áo đường dày 50cm đạt $K \geq 0,98$; mái taluy đắp $1/1,5$, gia cố mái bằng trồng cỏ.

6.5. *Kết cấu áo đường:* Mặt đường bê tông nhựa (BTN) có cường độ yêu cầu $E_{yc} \geq 133\text{Mpa}$, gồm các lớp:

- Lớp mặt: Bằng BTN chặt C19 dày 6cm , tưới thấm bám tiêu chuẩn nhựa $1,0\text{kg/m}^2$.

- Lớp móng: Trên đường mới và phần mở rộng đường cũ, bằng cấp phối đá dăm có tổng chiều dày 45cm , gồm lớp móng trên CPĐD loại I dày 15cm và lớp móng dưới CPĐD loại II dày 30cm ; trên đường cũ tăng cường lớp móng CPĐD loại I dày 15cm , bù vênh bằng CPĐD loại I.

6.6. *Thoát nước mặt:* Bằng chảy tỏa và đào rãnh dọc hình thang kích thước lòng $(40+120) \times 40\text{cm}$. Trên tuyến chính và tuyến nhánh bố trí rãnh dọc kín nằm dưới hè đường, thu nước qua đan rãnh, cửa thu và thoát về cống ngang; cấu tạo rãnh bằng BTCT, những vị trí qua đường ngang bố trí rãnh có tấm chịu lực.

6.7. *Cống thoát nước ngang:* Xây dựng mới 6 cống, gồm cống bản và cống tròn các loại; cấu tạo bằng bê tông, bê tông cốt thép; chiều dài cống bằng chiều rộng nền đường, móng đặt trên nền thiên nhiên.

6.8. *Công trình cầu:* Xây dựng mới 01 cầu tại $\text{Km}0+624$ trên tuyến chính; cầu nằm trên đường thẳng, suối không thông thuyền, có xét đến cây trôi. Kết cấu bằng BTCT, BTCT DUL theo TCVN 11823:2017, chiều rộng cầu $B_c = 13,0\text{m}$, cụ thể:

a) Kết cấu phần trên: Gồm 01 nhịp dầm giản đơn bằng BTCT DUL 40Mpa tiết diện chữ I, chiều dài dầm $L = 33\text{m}$; bản mặt cầu bằng BTCT; lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19; gối cầu bằng cao su cốt bản thép; khe co giãn bằng thép dạng răng lược; thoát nước mặt cầu bằng ống gang đúc; gờ lan can bằng BTCT; lan can bằng thép mạ kẽm.

b) Kết cấu phần dưới: Hai móng cấu tạo giống nhau dạng chữ U, kiểu tường bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D1,0\text{m}$; bản chuyển tiếp bằng BTCT.

c) Đường đầu cầu: Sau đuôi móng cầu được vuốt chuyển từ chiều rộng cầu về chiều rộng nền đường theo mặt cắt ngang đường. Kết cấu áo đường như phần

tuyến; gia cố tứ nón và mái taluy bằng BTXM.

6.9. Nút giao: Dạng giao bằng; tổ chức giao thông trong nút giao bằng biển báo, vạch sơn, đèn cảnh báo. Kết cấu mặt đường trong nút giao như phần tuyến.

6.10. Đường ngang: Vuốt nối với bán kính $R \geq 5,0m$, độ dốc dọc $i \leq 6\%$; kết cấu mặt đường như kết cấu mặt đường của dự án.

9.11. Hệ đường, hệ thống chiếu sáng:

a) *Hệ đường:* Lát bằng gạch block tự chèn; khóa vỉa hè bằng BTXM. Hai bên vỉa hè, sát mép mặt đường bố trí đan rãnh và bó vỉa; trên vỉa hè để chõu hồ trồng cây, thành hồ bằng BTXM.

b) *Hệ thống điện chiếu sáng:* Bố trí trên hai bên hệ đường tuyến chính và một bên hệ đường tuyến nhánh.

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp 50kVA-35(22)/0,4kV; cấp điện của trạm biến áp tại vị trí cột số 07NR TBA Cỏ Lũng 2 thuộc lộ 372E9.12 (trạm 110kV Bá Thước); bố trí 01 tủ điện điều khiển, công suất 100A.

- Chiếu sáng đường trên tuyến gồm các vị trí bằng đèn Led; cột đèn sử dụng cột thép tròn cao 8m, cần rời; cấp điện chiếu sáng thông qua hệ thống đường dây cáp ngầm.

6.12. An toàn giao thông: Bố trí tuân thủ QCVN 41:2019/BGTVT, bao gồm: cột km, cọc H, cọc tiêu, biển báo, vạch sơn phản quang.

(chi tiết như hồ sơ TKCS kèm theo).

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Các xã Lũng Niêm, Lũng Cao, huyện Bá Thước.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 4,4ha.

8. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông, cấp III.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận theo Báo cáo thẩm định số 1415/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/3/2022 của Sở Giao thông vận tải.

10. Tổng mức đầu tư: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng); trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	9.755.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	48.425.468.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	250.575.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.037.466.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.626.836.000 đồng;
- Chi phí khác:	1.366.535.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	5.540.670.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

11. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý 63 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Bá Thước và các nguồn huy động hợp pháp khác 7 tỷ đồng.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2024.

13. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Bá Thước làm Chủ đầu tư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư để tổ chức thực hiện theo quy định.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo thẩm định số 1415/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/3/2022.

- UBND huyện Bá Thước tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Bá Thước; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H' Qddgtranhphodoan).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Dự án: Đường tránh tỉnh lộ 521B đoạn qua chợ phố Đoàn,
xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước**

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	9.755.000.000
II	Chi phí xây dựng	48.425.468.000
III	Chi phí thiết bị	250.575.000
III	Chi phí Quản lý dự án	1.037.466.000
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	3.626.836.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT	896.000.000
2	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế BVTC	400.000.000
3	Chi phí thiết kế, cắm cọc GPMB	80.000.000
4	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	588.165.000
5	Chi phí lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát	29.219.000
5.1	Bước lập báo cáo NCKT	17.219.000
5.2	Bước thiết kế BVTC	12.000.000
6	Chi phí giám sát khảo sát	39.660.000
6.1	Bước lập báo cáo NCKT	23.372.000
6.2	Bước thiết kế BVTC	16.288.000
7	Chi phí thẩm tra	94.261.000
7.1	Thẩm tra thiết kế BVTC	52.887.000
7.2	Thẩm tra dự toán	41.374.000
8	Chi phí giám sát thi công	1.184.661.000
8.1	Giám sát thi công xây dựng	1.178.896.000
8.2	Giám sát thi công RPB ² M, vật nổ	5.765.000
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu	96.218.000
9.1	Gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo NCKT	6.685.000
9.2	Các gói thầu thầu TKBVTC, TVGS thi công	8.603.000
9.3	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	81.470.000
10	Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT	53.134.000
10.1	Gói thầu khảo sát, lập BCNCKT	5.000.000
10.2	Gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC, TVGS thi công	4.000.000
10.3	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	44.134.000

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị
11	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	190.609.000
12	Khảo sát lập phương án RPBM, vật nổ	4.909.000
V	CHI PHÍ KHÁC	1.366.535.000
1	Chi phí kiểm toán	281.659.000
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	81.454.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	121.690.000
4	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	4.900.000
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	34.550.000
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	32.853.000
7	Rà phá bom mìn, vật nổ	180.000.000
VI	DỰ PHÒNG	5.540.670.000
1	Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh	3.769.357.000
2	Dự phòng trượt giá	1.771.313.000
	Tổng cộng (làm tròn)	70.000.000.000